

quyền cấp quận, huyện, phường, xã nhằm phát triển kinh tế địa phương, cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ, đẩy mạnh quản lý thị trường, tạo ra nguồn thu và khai thác triệt để các nguồn thu ấy.

III. TỜ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu, quận, huyện, phường, xã có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1990. Những quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 111-BT ngày 29-11-1989 về việc chuyển giao tờ Công báo sang Bộ Thông tin.

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ kết luận của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng số 2-KG ngày 2 tháng 1 năm 1989 về công tác xuất bản, báo chí;

Theo đề nghị của Bộ Thông tin (công văn số 454-BTT ngày 12-7-1989) và Vụ Hành chính Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.— Chuyển giao tờ Công báo sang Bộ Thông tin phụ trách việc xuất bản và quản lý.

Việc bàn giao phải hoàn thành trong quý IV năm 1989 đề Bộ Thông tin kịp làm việc với Bộ Tài chính về dự toán xuất bản Công báo năm 1990.

Điều 2.— Các đồng chí Vụ trưởng Vụ Tờ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hành chính, Cục trưởng Cục Quản trị I Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Chủ nhiệm
Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng
HỒ NGỌC NHƯỜNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ
GIÁO DỤC — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ số 16-TT/LB ngày 14-8-1989 hướng dẫn thực hiện thu, chi quỹ học phí trong ngành giáo dục phổ thông.

Thi hành Quyết định số 44—HĐBT ngày 24-4-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thu một phần học phí trong ngành giáo dục phổ thông; Liên Bộ Giáo dục — Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định trên như sau:

I. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THU CHI HỌC PHÍ

1. Sự nghiệp giáo dục là của toàn dân, học phí thể hiện một phần sự đóng góp của cha mẹ học sinh chăm lo đội ngũ giáo viên và điều kiện giảng dạy, học tập của trường học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho con em mình.

2. Quỹ học phí thay thế quỹ bảo trợ nhà trường và do ngành giáo dục quản lý, không trừ vào ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục hàng năm và vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Việc huy động nhân dân đóng góp xây dựng trường học, mua sắm bàn ghế vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 248 — TTg.

3. Việc thu học phí phải hợp lý, tạo điều kiện cho sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển và từng bước thực hiện phổ cập giáo dục cấp I. Do đó, không thu học phí đối với học sinh phổ thông các lớp 1, 2, 3 và thực hiện chế độ miễn giảm đối với học sinh thuộc diện chính sách xã hội.

4. Việc thu, chi học phí ở các trường lớp dân lập theo quy chế của Bộ Giáo dục sẽ do hiệu trưởng quy định theo hướng dẫn riêng của Ủy ban Nhân dân tỉnh (thành phố, đặc khu).

II. MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TỪNG ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH

1. Mức tiền thu học phí hàng tháng căn cứ vào giá gạo kinh doanh của địa phương và thu 9 tháng trong mỗi năm học.

2. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương, Hội đồng Nhân dân tỉnh (thành phố, đặc khu) có thể quy định mức thu cao hơn mức tối thiểu quy định sau:

— Học sinh cấp I (các lớp 4, 5) 1 kg gạo/học sinh/tháng.

— Học sinh cấp II (các lớp 6, 7, 8, 9) 2 kg gạo/học sinh/tháng.

— Học sinh cấp III (các lớp 10, 11, 12) 3 kg gạo/học sinh/tháng.

— Ở những nơi có khó khăn đặc biệt, Hội đồng Nhân dân tỉnh (thành phố, đặc khu) có thể quyết định mức thu thấp hơn.

3. Mức thu của học sinh các trường, lớp mẫu giáo, nhà trẻ, phổ thông dân lập do Ủy ban Nhân dân tỉnh (thành phố, đặc khu) quy định bảo đảm đủ kinh phí cho các trường lớp đó hoạt động.

III. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Ngoài học sinh các lớp 1, 2, 3 không thực hiện thu học phí, các đối tượng thuộc diện thu một phần học phí được áp dụng chế độ miễn giảm như sau:

1. Đối tượng được xét miễn thu học phí gồm:

— Học sinh là con liệt sĩ, con thương binh hạng 1, 2 và bệnh binh hạng 1.

— Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

— Học sinh đang cùng gia đình sống ở vùng rẻo cao

— Học sinh cùng gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới đang ở thời kỳ Nhà nước trợ cấp.

— Học sinh có cha hoặc mẹ đang làm nhiệm vụ chiến đấu ở đảo Trường Sa, ở vùng biên giới có phụ cấp chiến đấu 25% hoặc đang làm nghĩa vụ quốc tế đặc biệt.

2. Đối tượng được xét giảm từ 1/3 đến 1/2 mức thu học phí gồm:

— Học sinh là con thương binh hạng 3, 4, bệnh binh hạng 2, hạng 3.

— Học sinh là dân tộc ít người ở miền núi.

— Học sinh là con các gia đình gặp khó khăn đột xuất như thiên tai, hỏa hoạn...

— Học sinh là con các gia đình chỉ có 2 con mà đang cùng đi học phổ thông cơ sở, kinh tế thực sự có khó khăn, thu nhập thấp được chính quyền địa phương xác nhận.

3. Thủ tục xét và quyết định miễn, giảm học phí:

— Học sinh thuộc diện miễn, giảm học phí cần có giấy chứng nhận của chính quyền địa phương (nhà trường hướng dẫn mẫu kê khai). Riêng với học sinh có cha hoặc mẹ thuộc lực lượng vũ trang và thuộc diện miễn học phí theo quy định trên đây thì nhà trường căn cứ vào giấy chứng nhận từ cấp trung đoàn trở lên.

— Hiệu trưởng phối hợp với đại diện hội cha mẹ học sinh hoặc hội đồng giáo dục cùng cấp xem xét, lập danh sách học sinh thuộc diện miễn, giảm và mức đề nghị giảm báo cáo lên cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý trường xét duyệt.

— Căn cứ vào hướng dẫn của Sở Giáo dục, các phòng giáo dục huyện, thị xã, quận xét duyệt danh sách học sinh được miễn, giảm của từng trường (trong phạm vi được phân cấp) vào đầu năm học và xét duyệt bổ sung khi có đề nghị của nhà trường nhằm thực hiện đúng đắn chế độ miễn, giảm đã quy định.

IV. QUỸ HỌC PHÍ ĐƯỢC PHÂN PHỐI SỬ DỤNG NHƯ SAU:

1. 70% số tiền thu học phí được sử dụng chi trợ giúp đời sống giáo viên, cán bộ, nhân viên các trường học và cán bộ phòng, Sở Giáo dục. Mức trợ giúp đời sống giáo viên, cán bộ giáo dục được quy định tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, Sở Giáo dục cùng Sở Tài chính bàn bạc trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quyết định, nhằm bảo đảm giáo viên, cán bộ... trên cùng địa bàn có mức trợ giúp tương đối hợp lý, không có chênh lệch nhiều giữa các trường, các vùng, các cấp học. Căn cứ mức trợ giúp đã quy định, Sở Giáo dục cùng Sở Tài chính quy định tỷ lệ phần trăm số tiền thu học phí để lại chi tại chỗ cho các trường, huyện, thị xã và quy định tỷ lệ phần trăm số tiền thu học phí nộp lên phòng, Sở Giáo dục để thực hiện việc điều hòa chi trợ giúp đời sống cho giáo viên, cán bộ ở nơi không thu học phí hoặc có số thu quá ít.

Việc xét trợ giúp đời sống giáo viên, cán bộ... cần kết hợp giữa hoàn cảnh khó khăn với hiệu quả công tác, chất lượng giảng dạy.

2. 30% số thu học phí được dùng để mua sắm bổ sung đồ dùng dạy học, khen thưởng học sinh có thành tích học tập, rèn luyện và chi phí một phần cho quản lý quỹ học phí ở tại trường; các địa phương không thực hiện việc điều hòa khoản này giữa các trường, huyện, quận, thị xã.

V. TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC QUẢN LÝ THU CHI QUỸ HỌC PHÍ

1. Hiệu trưởng nhà trường và đại diện hội cha mẹ học sinh hoặc Hội đồng giáo dục xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thu học phí hàng tháng (không

đề giáo viên chủ nhiệm phải thu học phí), và xây dựng phương án thu, chi bảo đảm công khai, công bằng, đúng mục đích.

2. Đầu năm học các trường phổ thông, mẫu giáo, nhà trẻ và các cơ quan quản lý giáo dục lập kế hoạch dự toán thu, chi quỹ học phí báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt và tổ chức thực hiện theo kế hoạch đã được duyệt.

3. Hiệu trưởng và bộ phận kế toán tài vụ nhà trường chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ nguyên tắc, thủ tục thu, chi quỹ học phí theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Sở Tài chính.

4. Các khoản thu, chi quỹ học phí phải được lập dự toán và quyết toán cùng với việc lập dự toán và quyết toán ngân sách giáo dục theo chế độ tài chính hiện hành.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Căn cứ Thông tư này, tùy theo tình hình từng địa phương, Ủy ban Nhân dân các tỉnh (thành phố, đặc khu) có thể ra văn bản hướng dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện ở địa phương và báo cáo liên Bộ được biết.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ năm học 1989 — 1990. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thủ trưởng
LÝ TÀI LUẬN

K.T. Bộ trưởng
Bộ Giáo dục
Thủ trưởng
LUONG NGOC TOAN

BỘ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

THÔNG TƯ số 22-KTĐN/PC ngày 25-10-1989 hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt và hoạt động của Cơ quan Đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 199-HĐBT ngày 28-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Cơ quan Đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bộ Kinh tế đối ngoại hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế đề thi hành thống nhất như sau:

1. Tất cả các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Bên nước ngoài) có quan hệ với các tổ chức kinh tế, thương mại Việt Nam trong các lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, sản xuất, đầu tư, ngân hàng, tài chính, giao thông vận tải, hợp tác khoa học kỹ thuật, du lịch và dịch vụ có chương trình hoạt động phù hợp với điều 1 Quy chế, muốn được phép đặt Cơ quan đại diện thường trú tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải tuân thủ các quy định trong Quy chế và Thông tư hướng dẫn này.

2. Bên nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Cơ quan Đại diện tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải làm đơn theo mẫu thống nhất của Bộ Kinh tế đối